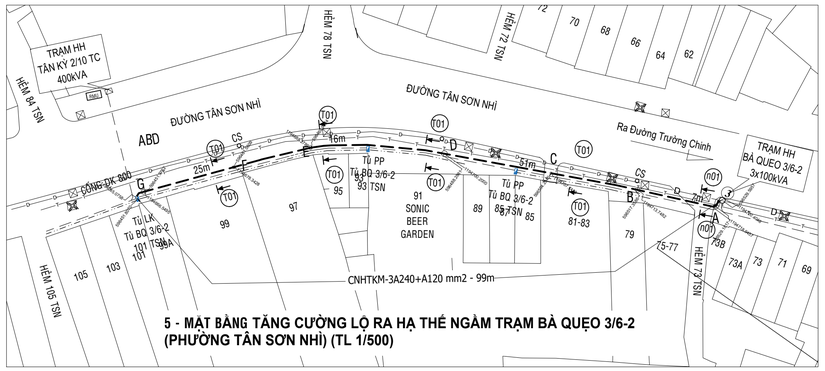

5 - MẶT BẰNG TĂNG CƯỜNG LỘ RA HẠ THẾ NGẦM TRẠM BÀ QUẸO 3/6-2 (PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ) (TL 1/500)

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ RANH

Số hiệu điểm		Tọa độ				Ghi chú
STT	Địa điểm	X(m)	Y(m)	Z(m)	H(m)	
1	Trạm Hương lý 13/3	1.194.720,4046	596.529,5957	1,8	5.453	
2	Điểm A	1.194.718,9457	596.529,1817	0,88	5.455	
3	Điểm B	1.194.713,7482	596.517,356		5.454	
4	Điểm C	1.194.707,7418	596.504,2940	0,94	5.453	
5	Điểm D	1.194.700,2000	596.488,281		5.908	
6	Điểm E	1.194.688,2789	596.469,9324	0,88	6.157	
	Điểm F	1.194.678,3428	596.461,5609		6.160	
	Điểm G	1.194.666,5495	596.451,9762	0,88	5.996	
7	TLK BQ 3/6-2-101 TSN	1.194.665,0758	596.451,8070	0,88	5.972	

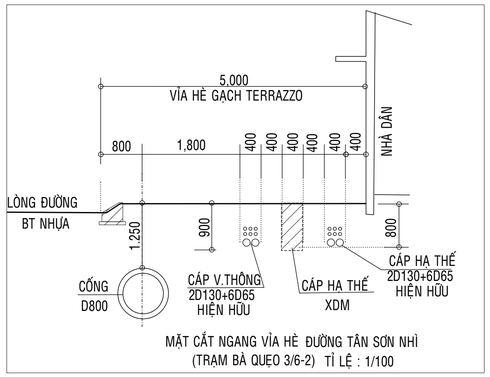

MẶT CẮT NGANG VỈA HÈ ĐƯỜNG TÂN SƠN NHÌ
(TRẠM BÀ QUẸO 3/6-2) TỈ LỆ : 1/100

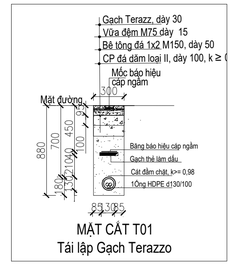

MẶT CẮT T01
Tái lập Gạch Terazzo

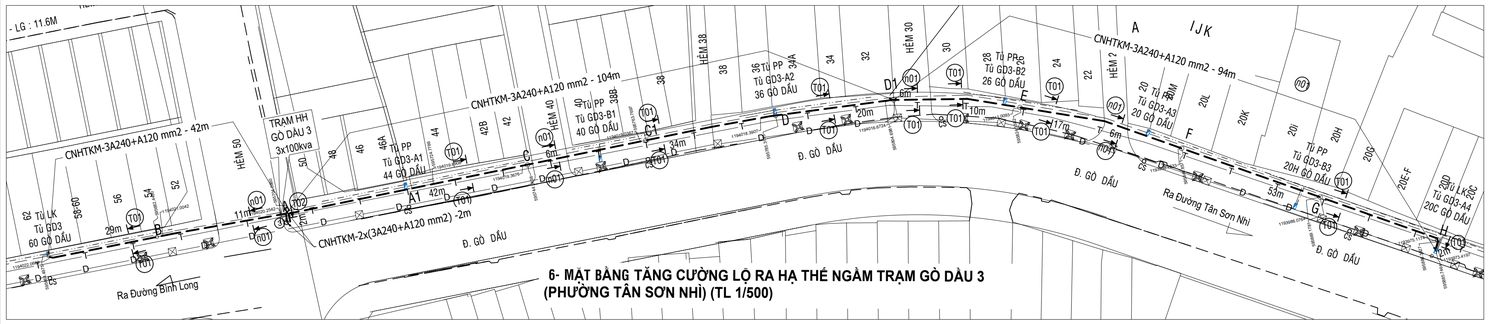

6- MẶT BẰNG TĂNG CƯỜNG LỘ RA HẠ THẾ NGẦM TRẠM GÒ DẦU 3 (PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ) (TL 1/500)

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ RANH

Số hiệu điểm		Tọa độ				Ghi chú
STT	Địa điểm	X(m)	Y(m)	Z(m)	H(m)	
1	Trạm Gò Dầu 3			1,8	4.626	
2	Điểm A	1.194.020,2542	595.704,0860	0,88	4.660	
3	Điểm A 1	1.194.019,6908	595.724,7786	0,88	4.654	
4	Điểm B	1.194.021,0042	595.682,4450	0,88	4.581	
5	Điểm C	1.194.019,3676	595.744,0438	0,88	4.597	
6	Điểm C1	1.194.019,0367	595.763,7697	0,88	4.509	
7	Điểm D	1.194.018,3907	595.785,3115	0,88	4.473	
8	Điểm D1	1.194.016,6724	595.785,3115	0,88	4.476	
9	Điểm E	1.194.011,0093	595.804,6981	0,88	4.458	
10	Điểm F	1.193.998,7533	595.848,8571	0,88	4.505	
11	Điểm G	1.193.986,0764	595.869,1781	0,88	4.573	
12	Điểm H	1.193.975,1174	595.886,3927	0,88	4.505	
13	TLK GD3-A4/20CGD	1.193.973,4197	595.885,7464	0,94	4.508	

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000 KHU VỰC TRẠM GÒ DẦU 3

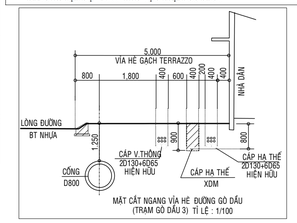

MẶT CẮT NGANG VỈA HÈ ĐƯỜNG GÒ DẦU
(TRẠM GÒ DẦU 3) TỈ LỆ : 1/100

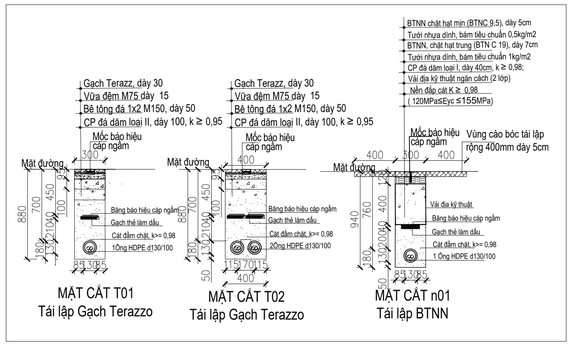

MẶT CẮT T01
Tái lập Gạch Terazzo

MẶT CẮT T02
Tái lập Gạch Terazzo

MẶT CẮT n01
Tái lập BTNN

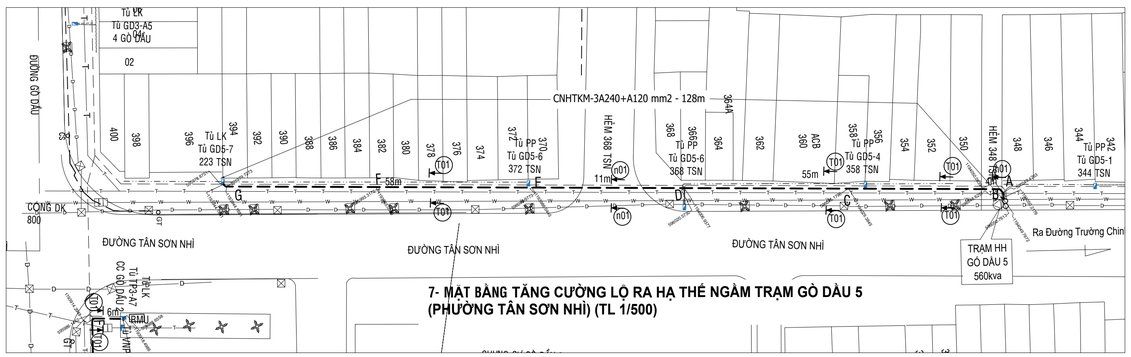

7- MẶT BẰNG TĂNG CƯỜNG LỘ RA HẠ THẾ NGẦM TRẠM GÒ DẦU 5 (PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ) (TL 1/500)

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ RANH

Số hiệu điểm		Tọa độ				Ghi chú
STT	Địa điểm	X(m)	Y(m)	Z(m)	H(m)	
1	Trạm Gò Dầu 5	1.194.049,7672	596.050,7613	1,4	4.283	
2	Điểm A	1.194.050,2179	596.049,4263	0,88	4.278	
3	Điểm B	1.194.050,0639	596.048,6257	0,94	4.271	
4	Điểm C	1.194.029,3845	596.035,1796	0,88	4.108	
5	Điểm D	1.194.006,9377	596.020,5730	0,88	4.081	
6	Điểm E	1.193.986,0445	596.006,9773	0,88	4.054	
7	Điểm F	1.193.965,0523	595.993,3172	0,88	4.073	
8	Điểm G	1.193.944,1681	595.979,7273	0,88	4.150	
9	TLK GD5-7/223-TSN	1.193.944,1841	595.978,8751	0,75	4.149	

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000 KHU VỰC TRẠM GÒ DẦU 5

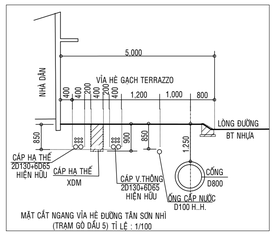

MẶT CẮT NGANG VỈA HÈ ĐƯỜNG TÂN SƠN NHÌ
(TRẠM GÒ DẦU 5) TỈ LỆ : 1/100

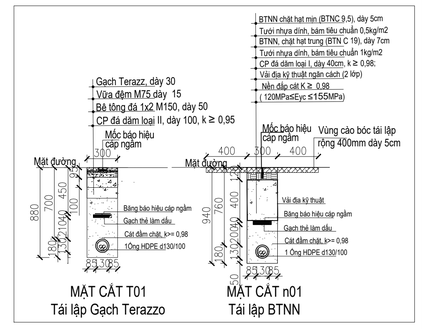

MẶT CẮT T01
Tái lập Gạch Terazzo

MẶT CẮT n01
Tái lập BTNN

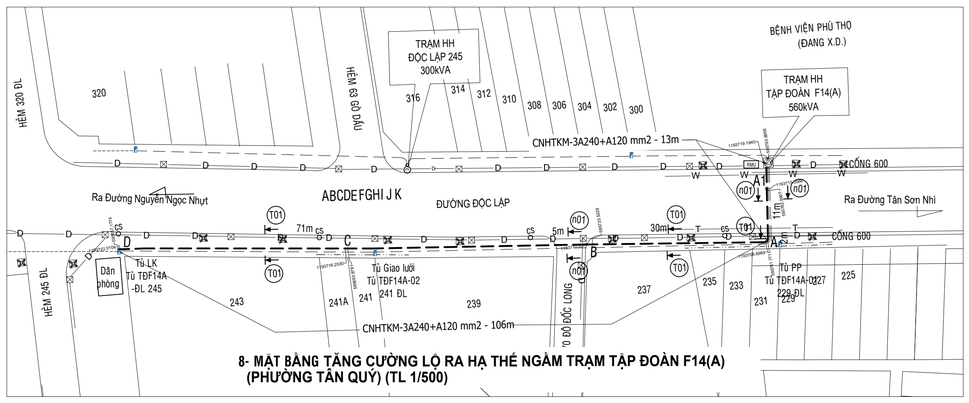

8- MẶT BẰNG TĂNG CƯỜNG LỘ RA HẠ THẾ NGẦM TRẠM TẬP ĐOÀN F14(A) (PHƯỜNG TÂN QUÝ) (TL 1/500)

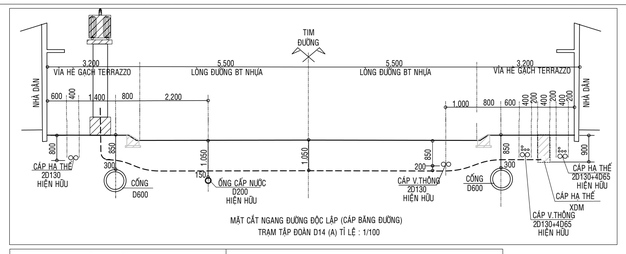

MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG ĐỘC LẬP (CÁP BĂNG ĐƯỜNG)
TRẠM TẬP ĐOÀN D14 (A) TỈ LỆ : 1/100

CHÚ THÍCH:

- Cáp ngầm trung thế hiện hữu
- Cáp ngầm hạ thế hiện hữu
- Cáp ngầm mắc điện hiện hữu
- Tủ hạ thế hiện hữu
- Tru trung, hạ thế hiện hữu
- Dây trung thế nổi hiện hữu
- Dây hạ thế nổi hiện hữu
- Cáp ngầm viễn thông hiện hữu
- Hầm viễn thông hiện hữu
- Hố ga thoát nước hiện hữu
- Cống thoát nước hiện hữu
- Ống cấp nước hiện hữu
- Cây xanh
- Trạm giàn hiện hữu
- Trạm trụ ghép hiện hữu
- Trạm treo hiện hữu
- Trạm trụ kêm hiện hữu
- Trạm hộp bộ hiện hữu
- Cáp ngầm hạ thế kéo mới
- Dây hạ thế nổi kéo mới
- Dây hạ thế nổi kéo tăng cường

ký hiệu mặt cắt mương cáp
- n- Mặt đường tái lập BTNN
- T- Mặt đường tái lập gạch Terrazzo
- X- Mặt đường tái lập BTXM
- CS- Mặt đường tái lập gạch XM con sâu
- H- Mặt đường tái lập Đá Hoa cương
- 0- số thứ 1- ống HDPE d195
- 1- Số thứ 2- ống d130
- số còn lại ống d65 /50

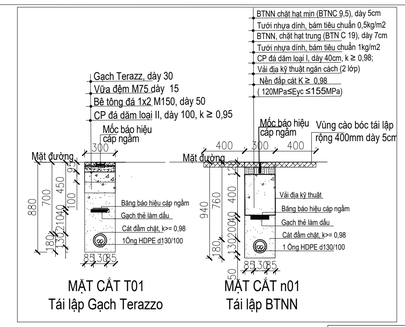

MẶT CẮT T01
Tái lập Gạch Terazzo

MẶT CẮT n01
Tái lập BTNN

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ RANH

Số hiệu điểm		Tọa độ				Ghi chú
STT	Địa điểm	X(m)	Y(m)	Z(m)	H(m)	
1	Trạm Tập Đoàn F14(A)	1.193.719,1940	595.763,8956	1,4	4.177	
2	Điểm A 1	1.193.715,0566	595.762,9907	0,88	4.167	
3	Điểm A	1.193.706,6964	595.761,7711	0,88	4.142	
4	Điểm B	1.193.710,5577	595.733,5329	0,88	4.171	
5	Điểm C	1.193.716,2530	595.693,8781	0,88	4.255	
6	Điểm D	1.193.722,0104	595.657,1774	0,88	4.263	

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000 KHU VỰC TRẠM TẬP ĐOÀN F14(A)

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN PHÚ

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết Định số . . . . . /QĐ-PCTP
Ngày . . . . tháng . . . năm 2025.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐIỆN SÔNG TIỀN

Giám đốc	Phạm văn Lành	
Chủ nhiệm thiết kế	Phạm văn Lành	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Hoàng Vũ	
Kiểm tra	Nguyễn Văn Lắm	
Thiết kế	Nguyễn Văn Băng	

Tăng cường lộ ra hạ thế ngầm và nổi trên địa bàn quận Tân Phú năm 2025

MẶT BẰNG TĂNG CƯỜNG LỘ RA HẠ THẾ NGẦM TRẠM HẠ THẾ KHU VỰC PHƯỜNG: P. TÂN SƠN NHÌ-HM 5, 6,7. P. TÂN QUÝ -HM- 8, 9.
- MẶT CẮT MƯƠNG CÁP, MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG ĐIỂN HÌNH CHI TIẾT TỌA ĐỘ VN2000, HƯỚNG TUYẾN CẤP ĐI QUA .

Tỉ lệ: đã ghi	XB lần: 01	Ngày:. . ./. ./ 2025	
Giai đoạn: BCKTKT		ST-CTLĐ - 2 /5 (23Tr)	

A1